

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2026/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm
2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Đinh Thị Hương

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa
án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên họp:*** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành
phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý
số 20/2025/TLST-LĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc “Tuyên bố hợp đồng
lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự
số 104/2026/QĐST-LĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026, gồm những người tham gia
tổ tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm
1992; Địa chỉ thường trú: Ấp K, xã M, tỉnh An Giang; Địa chỉ tạm trú: Số C
đường D, KDC V, Khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần T1; Địa chỉ trụ sở: Số A L, phường P, Thành phố Hồ
Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần T1: Ông Nguyễn
Hoàng N, sinh năm 1992 ; Địa chỉ liên lạc: Số A L, phường P, Thành phố Hồ
Chí Minh (Giấy ủy quyền số 44/UQ-CJCTE ngày 25/11/2025).

2. Bảo hiểm xã hội Cơ sở Tân Phú - Thành phố H; Địa chỉ: Số E đường T,
phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội Cơ sở T - Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trương Thị Kim T, sinh năm 1975; Địa chỉ liên lạc: Số E đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Công văn số 648/BHXXH-VT ngày 09/12/2025 về việc cử nhân sự).

(Bà H, ông N và bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu là bà Nguyễn Thị Diễm H trình bày:

Ngày 16/4/2025, khi làm thủ tục xin rút bảo hiểm xã hội một lần, bà được cơ quan bảo hiểm xã hội thông báo về việc bà có 02 mã số bảo hiểm xã hội khác nhau gồm bảo hiểm xã hội số 7911XXXXXX và bảo hiểm xã hội số 7413XXXXXX. Đối với BHXH số 7911XXXXXX được Công ty Cổ phần T1 kê khai, đăng ký, trích đóng từ tháng 11/2011 đến tháng 3/2012, quá trình đóng bảo hiểm xã hội tổng cộng 03 tháng cho người lao động có họ tên Nguyễn Thị Diễm H, sinh ngày 23/12/1982, CMND số 3520XXXXX trùng khớp với thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị Diễm H, trừ năm sinh là khác. Từ trước đến nay, bà H chưa từng ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty Cổ phần T1, bà cũng không cho ai mượn giấy tờ cá nhân để tham gia ký kết hợp đồng lao động. Hơn nữa, tại thời điểm tháng 11/2011, bà H đang nộp hồ sơ thi sát hạch lái xe nên không có việc giấy tờ cá nhân bị thất lạc.

Để đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định nên bà H khởi kiện yêu cầu tuyên Hợp đồng lao động mang tên Nguyễn Thị Diễm H, sinh ngày 23/12/1982, CMND số 3520XXXXX ký với Công ty Cổ phần T1 ngày 01/11/2011 bị vô hiệu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần T1 do ông Nguyễn Hoàng N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Cổ phần T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) có ký Hợp đồng lao động số 12T/11/2011/278 ngày 01/11/2011 với cá nhân tên Nguyễn Thị Diễm H, sinh ngày 23/12/1992, số CMND 3520XXXXX do Công an tỉnh A cấp ngày 16/4/2007, nguyên quán Khánh Hòa, C, An Giang, thường trú tại: Khánh Hòa, Khánh Hòa, C, An Giang.

Bà H có thời gian làm việc tại Công ty C tre từ ngày 01/11/2011 đến ngày 01/11/2012 và được cấp Sổ lao động số TPNT-04623. Do có sai sót trong quá trình lập hồ sơ, Hợp đồng lao động số 12T/11/2011/278 ngày 01/11/2011 và Sổ lao động đã ghi nhầm năm sinh của bà H là năm 1982 thay vì năm 1992.

Do thời gian làm việc của bà H tại Công ty T1 đã lâu, Công ty T1 không biết được thời điểm đó người có tên là Nguyễn Thị Diễm H là ai nên nay đối với

yêu cầu tuyên hợp đồng lao động mang tên Nguyễn Thị Diễm H, sinh ngày 23/12/1982, CMND số 3520XXXXX ký với Công ty Cổ phần T1 ngày 01/11/2011 bị vô hiệu Công ty không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội Cơ sở T - Thành phố Hồ Chí Minh do bà Trương Thị Kim T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị Diễm H, mã BHXH số 7911XXXXXX có tham gia BHXH tại Công ty Cổ phần T1 từ tháng 11/2011 đến 01/2012, chức danh: Công nhân CBHS, hệ số lương: 1,55, nghỉ ốm từ tháng 02/2012 đến tháng 03/2012, sau đó nghỉ việc từ tháng 04/2012. Hiện nay bà H không tham gia BHXH tại Bảo hiểm xã hội Cơ sở T - Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Diễm H, Mã số 7911XXXXXX chưa hưởng các chế độ BHXH.

Đối với yêu cầu tuyên hợp đồng lao động mang tên Nguyễn Thị Diễm H, sinh ngày 23/12/1982, CMND số 3520XXXXX ký với Công ty Cổ phần T1 ngày 01/11/2011 bị vô hiệu BHXH không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Diễm H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động mang tên Nguyễn Thị Diễm H, sinh ngày 23/12/1982, CMND số 3520XXXXX ký với Công ty Cổ phần T1 ngày 01/11/2011 là vô hiệu. Đây là loại việc dân sự về: “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” được quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng lao động được ký kết tại trụ sở của Công ty Cổ phần T1 có địa chỉ tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15.

[2] Về nội dung vụ việc: Bà Nguyễn Thị Diễm H yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa người mang tên Nguyễn Thị Diễm H với Công ty Cổ phần T1 ngày 01/11/2011 vô hiệu.

Theo trình bày của bà H, bà không tham gia ký kết hợp đồng lao động nêu trên và từ trước đến nay cũng không làm việc tại Công ty T1. Bà không biết cá nhân nào đã sử dụng thông tin nhân thân của mình để giao kết hợp đồng lao

động với Công ty. Phía Công ty T1 cũng xác nhận do sự việc xảy ra đã lâu nên Công ty không xác định được người trực tiếp đến giao kết hợp đồng lao động mang tên Nguyễn Thị Diễm H tại thời điểm đó.

Lời khai của bà H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Công ty T1 giao nộp. Theo nội dung Đơn xin việc ngày 18/3/2011, Sơ yếu lý lịch ngày 18/3/2011, Tờ khai Sổ lao động ngày 01/11/2011 có căn cứ xác định chủ thể tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty T1 không phải là bà Nguyễn Thị Diễm H.

Theo Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: *“Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực”*.

Theo khoản 1 và khoản 4 Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994:

“1. Hợp đồng lao động được giao kết trực tiếp giữa người lao động với người sử dụng lao động

...

4. Công việc theo hợp đồng lao động phải do người giao kết thực hiện, không được giao cho người khác, nếu không có sự đồng ý của người sử dụng lao động”

Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: *“Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này”*.

Do việc ký kết và thực hiện Hợp đồng lao động ngày 01/11/2011 giữa người mang tên Nguyễn Thị Diễm H và Công ty Cổ phần T1 (nay là Công ty Cổ phần T1) không đúng thẩm quyền, vi phạm quy định của pháp luật lao động nên yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của bà H là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về lệ phí: Căn cứ khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Diễm H phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng nhưng được cản trừ tiền tạm ứng lệ phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0034310 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 150, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Diễm H về việc “Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”

Tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa người tên Nguyễn Thị Diễm H, (sinh ngày 23/12/1982, CMND số 3520XXXXX) và Công ty Cổ phần T1 (nay là Công ty Cổ phần T1) ngày 01/11/2011 vô hiệu.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị Diễm H phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được miễn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0034310 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp không có mặt tại phiên họp thì thời hạn đó tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 9 – TP.HCM
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Đinh Thị Hương